CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Nghệ An - Tháng 02 năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
Tầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D 2703001024-C.T.C.P CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT TP. VINH T. NGHỆ AN

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
Tầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D 2703001024-C.T.C.P CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT TP. VINH T. NGHỆ AN

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

ACA Group
Member of Kreston International

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính:
P. 1501, Tầng 15, Toà nhà 17T-1
Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội
Tel: (84 4) 6 2811 488
Fax: (84 4) 6 2811 499
E-mail: acagroup@viettel.vn
www.acagroup.com.vn

Số. 40.5/BCKT 2011/ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

Thành viên Kiểm toán Quốc tế Kreston International
www.kreston.com

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B01 - CTCK

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	**100**		**41.070.845.324**	**47.281.631.575**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**37.087.023.347**	**41.043.021.695**
1. Tiền	111		312.199.892	277.825.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.774.823.455	40.765.196.326
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3.493.261.916**	**5.955.049.819**
2. Trả trước cho người bán	132		100.000.000	165.389.500
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2.292.560.000	4.764.379.019
5. Các khoản phải thu khác	138	7	1.100.701.916	1.025.281.300
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**490.560.061**	**283.560.061**
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	490.560.061	283.560.061
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	**200**		**3.013.924.240**	**1.564.376.484**
II. Tài sản cố định	**220**		**2.495.372.357**	**1.224.833.740**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	546.206.701	836.090.526
- Nguyên giá	222		1.852.102.203	1.712.411.707
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(1.305.895.502)	(876.321.181)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	578.467.756	388.743.214
- Nguyên giá	228		809.527.750	538.045.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(231.059.994)	(149.301.786)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.370.697.900	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**518.551.883**	**339.542.744**
1. Chi phí trả trước dài hạn khác	261		73.274.737	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	445.277.146	261.703.522
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	77.839.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**44.084.769.564**	**48.846.008.059**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B01 - CTCK

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**4.307.973.184**	**8.898.826.691**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**4.298.181.649**	**8.898.826.691**
2. Phải trả người bán	312		31.992.428	36.973.786
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	184.579.118	219.837.795
5. Phải trả người lao động	315		174.695.676	260.687.248
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2.076.859.205	8.239.310.000
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		143.850	73.350
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		102.793.875	1.198.550
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.727.117.497	140.745.962
II. Nợ dài hạn	**330**		**9.791.535**	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.791.535	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**	**14**	**39.776.796.380**	**39.947.181.368**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**39.776.796.380**	**39.947.181.368**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.500.000.000	37.500.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		251.618.989	140.745.962
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		251.618.989	140.745.962
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		251.618.989	140.745.962
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.521.939.413	2.024.943.482
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**44.084.769.564**	**48.846.008.059**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B01 - CTCK
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
5. Nguồn vốn khấu hao	**005**		**1.536.955.496**	**1.025.622.967**
6. Chứng khoán lưu ký	**006**		**124.280.520.000**	**72.404.650.000**
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		119.122.450.000	72.395.150.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		119.122.450.000	72.395.150.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		3.054.930.000	9.500.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		3.054.930.000	9.500.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		1.595.400.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		1.595.400.000	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		507.740.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		507.740.000	-

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B02 - CTCK
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu	**01**	**15**	**7.924.929.136**	**7.324.192.282**
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.906.192.623	4.707.818.415
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	41.735.366
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		50.000.000	-
- Doanh thu khác	01.9		3.968.736.513	2.574.638.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 – 02)	**10**		**7.924.929.136**	**7.324.192.282**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**	**16**	**4.034.605.614**	**3.092.281.774**
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 – 11)	**20**		**3.890.323.522**	**4.231.910.508**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	**17**	**1.425.537.882**	**1.320.486.181**
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	**30**		**2.464.785.640**	**2.911.424.327**
8. Thu nhập khác	**31**		-	-
9. Chi phí khác	**32**		**940.588**	**296**
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(940.588)**	**(296)**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**2.463.845.052**	**2.911.424.031**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**18**	**246.384.505**	**203.799.682**
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	**60**		**2.217.460.547**	**2.707.624.349**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**19**	**591**	**1.146**

S.Đ.K.K.D: 2703001024 - C.T.C.P
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT
TP. VINH T. NGHỆ AN

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B03 - CTCK
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		***2.463.845.052***	***2.911.424.031***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		511.332.529	488.507.023
- Các khoản dự phòng	03		9.791.535	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.931.604.028)	(2.528.666.834)
- Chi phí lãi vay	06		208.338.001	45.971.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***(738.296.911)***	***917.235.887***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.931.327.536	(5.212.849.819)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.218.495.858)	7.227.633.342
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(73.274.737)	71.817.228
- Tiền lãi vay đã trả	13		(208.338.001)	(45.971.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(346.348.265)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(284.738.366)	(345.736.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(5.938.164.602)***	***2.612.128.152***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.576.187.774)	(200.000.000)
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.558.354.028	2.574.638.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***1.982.166.254***	***2.374.638.501***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	27.750.000.000
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.000.000.000	10.000.000.000
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	***27.750.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(3.955.998.348)**	**32.736.766.653**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**41.043.021.695**	**8.306.255.042**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	**70**	**5**	**37.087.023.347**	**41.043.021.695**

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy phép thành lập số 2703001024 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 23/10/2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 37.500.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 3.750.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên trong Công ty tại ngày 31/12/2010 là 14 người (tại ngày 31/12/2009 là 18 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/ TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Kế toán máy.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao.

Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
Phần mềm máy tính	07

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai, liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Bảng cân đối kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Bảng cân đối kế toán. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	312.199.892	277.825.369
Tiền gửi Ngân hàng	36.774.823.455	40.765.196.326
Cộng	**37.087.023.347**	**41.043.021.695**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của người đầu tư		
- Cổ phiếu	*44.849.870*	*1.152.593.348.000*
Cộng	**44.849.870**	**1.152.593.348.000**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền chi khen thưởng cho cán bộ nhân viên	693.951.960	763.974.000
Phải thu khác	406.749.956	261.307.300
Cộng	**1.100.701.916**	**1.025.281.300**

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	490.560.061	283.560.061
Cộng	**490.560.061**	**283.560.061**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2009	**117.863.381**	**1.594.548.326**	**1.712.411.707**
Tăng trong năm	**-**	**139.690.496**	**139.690.496**
Mua trong năm	-	139.690.496	139.690.496
Số dư tại 31/12/2010	**117.863.381**	**1.734.238.822**	**1.852.102.203**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 31/12/2009	**68.753.638**	**807.567.543**	**876.321.181**
Tăng trong năm	**29.465.845**	**400.108.476**	**429.574.321**
Khấu hao trong năm	29.465.845	400.108.476	429.574.321
Số dư tại 31/12/2010	**98.219.483**	**1.207.676.019**	**1.305.895.502**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2009	**49.109.743**	**786.980.783**	**836.090.526**
Tại 31/12/2010	**19.643.898**	**526.562.803**	**546.206.701**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 31/12/2009	**538.045.000**	**538.045.000**
Tăng trong năm	**271.482.750**	**271.482.750**
Mua trong năm	271.482.750	271.482.750
Số dư tại 31/12/2010	**809.527.750**	**809.527.750**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 31/12/2009	**149.301.786**	**149.301.786**
Tăng trong năm	**81.758.208**	**81.758.208**
Khấu hao trong năm	81.758.208	81.758.208
Số dư tại 31/12/2010	**231.059.994**	**231.059.994**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 31/12/2009	**388.743.214**	**388.743.214**
Tại 31/12/2010	**578.467.756**	**578.467.756**

11. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Mua sắm tài sản cố định Chi nhánh Hà Nội	1.370.697.900	-
Cộng	**1.370.697.900**	-

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Quỹ hỗ trợ thanh toán	445.277.146	261.703.522
Cộng	**445.277.146**	**261.703.522**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.835.922	203.799.682
Thuế thu nhập cá nhân	76.853.026	16.038.113
Thuế khác	3.890.170	-
Cộng	**184.579.118**	**219.837.795**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/20010 VND	31/12/2009 VND
I - Vốn góp ban đầu	**37.500.000.000**	**37.500.000.000**
Vốn góp cổ phần	37.500.000.000	37.500.000.000
Trong đó:		
- Số lượng cổ phiếu phát hành	3.750.000	3.750.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành	10.000	10.000
II. Vốn bổ sung	**251.618.989**	**140.745.962**
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	251.618.989	140.745.962
III - Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**2.025.177.391**	**2.306.435.406**
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	1.521.939.413	2.024.943.482
- Quỹ dự phòng tài chính	251.618.989	140.745.962
- Quỹ đầu tư phát triển	251.618.989	140.745.962
Cộng	**39.776.796.380**	**39.947.181.368**

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Số dư đầu năm	**2.024.943.482**	**(141.155.999)**
Tăng trong năm	**2.217.460.547**	**2.707.624.349**
Lãi	2.217.460.547	2.707.624.349
Giảm trong năm	**2.720.464.616**	**541.524.868**
Phân phối lợi nhuận	2.720.464.616	541.524.868
Dư cuối năm	**1.521.939.413**	**2.024.943.482**

CHI TIẾT CỔ ĐÔNG GÓP VỐN

	31/12/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	VND
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	10,67	4.000.000.000
Cá nhân			
Thái Thị Nga	400.000	10,67	4.000.000.000
Thái Hương	400.000	10,67	4.000.000.000
Đặng Thái Nguyên	400.000	10,67	4.000.000.000
Thái Doãn Sơn	400.000	10,67	4.000.000.000
Trương Thị Kim Thư	400.000	10,67	4.000.000.000
Hồ Thị Vinh	400.000	10,67	4.000.000.000
Nguyễn Hà Nam	200.000	5,33	2.000.000.000
Nguyễn Trọng Trung	320.000	8,53	3.200.000.000
Thái Thị Lương	280.000	7,46	2.800.000.000
Thái Doãn Lộc	100.000	2,66	1.000.000.000
Trần Thanh Tùng	50.000	1,33	500.000.000
Cộng	**3.750.000**	**100**	**37.500.000.000**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

	31/12/2010 Tỷ lệ (%)	Số CMTND/ Số ĐKKD	Địa chỉ
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	10,67	063629	Số 117, Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
Cá nhân			
Thái Thị Nga	10,67	182218203	Khối Tân Yên, P.Hưng Bình, TP. Vinh, Nghệ An
Thái Hương	10,67	186086406	102, Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An
Đặng Thái Nguyên	10,67	183025343	Thị trấn Nghi Xuân, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
Thái Doãn Sơn	10,67	182109112	Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Trương Thị Kim Thư	10,67	182018635	Khối 17, P.Quán Bàu, TP. Vinh, Nghệ An
Hồ Thị Vinh	10,67	182020150	P303-A5 P.Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
Nguyễn Hà Nam	5,33	181628804	Khối 15, P.Hà Huy Tập, TP. Vinh, Nghệ An
Nguyễn Trọng Trung	8,53	181519338	Khối Tân Yên, P.Hưng Bình, TP. Vinh, Nghệ An
Thái Thị Lương	7,46	161541592	Khối 14, P.Hưng Phúc, TP. Vinh, Nghệ An
Thái Doãn Lộc	2,66	182381981	Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Cộng	**98,67**		

15. DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	3.906.192.623	4.707.818.415
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	41.735.366
Doanh thu hoạt động tư vấn	50.000.000	-
Doanh thu khác	3.968.736.513	2.574.638.501
Cộng	**7.924.929.136**	**7.324.192.282**

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	4.034.605.614	3.092.281.774
Cộng	**4.034.605.614**	**3.092.281.774**

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	771.640.315	747.030.161
Chi phí vật liệu	27.336.350	33.184.100
Chi phí công cụ dụng cụ	2.162.667	34.513.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.003.781	49.552.701
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.802.298	280.400.739
Chi phí khác	296.592.471	173.805.130
Cộng	**1.425.537.882**	**1.320.486.181**

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	**2.463.845.052**	**2.911.424.031**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	**2.463.845.052**	**2.911.424.031**
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	**492.769.010**	**582.284.806**
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm (*)	246.385.505	291.142.403
Thuế TNDN giảm (**)	-	87.342.721
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	**246.385.505**	**203.799.682**

(*) Căn cứ vào Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đầu tư, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

(**) Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty có đủ điều kiện để giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. CỔ PHIẾU VÀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

19. 1 Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**3.750.000**	**3.750.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**3.750.000**	**3.750.000**
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**3.750.000**	**3.750.000**
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19. 2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.217.460.547	2.707.624.349
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông	2.217.460.547	2.707.624.349
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.750.000	2.362.674
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**591**	**1.146**

20. BÊN LIÊN QUAN

Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Ngân hàng thương mại Cổ phần Bắc Á là cổ đông sáng lập với các nghiệp vụ chủ yếu sau:

	Giá trị giao dịch VND
Thuê văn phòng	480.000.000
Cộng	**480.000.000**

21. THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	5,61	2,52
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	94,39	97,48
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản *Nợ phải trả/Tổng tài sản*	%	10,09	18,00
Khả năng thanh toán hiện hành *Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn*	Lần	9,26	5,41
Khả năng thanh toán nhanh *(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	9,26	5,41
Khả năng thanh toán bằng tiền *Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn*	Lần	8,28	4,69
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	31,09	39,75
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản *Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản*	%	5,00	5,58
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn Điều lệ *Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ*	%	5,91	7,22

22. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng